

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147/GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Hùng Cá 6 tại Văn bản số 01/CV-GPMT ngày 31 tháng 12 năm 2026 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy chế biến hàng cao cấp và kho lạnh bảo quản; Văn bản số 01/CV-2026 ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc chỉnh sửa hồ sơ nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Nhà máy chế biến hàng cao cấp và kho lạnh bảo quản và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4977/TTr-SNN&MT ngày 16 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hùng Cá 6, địa chỉ tại Cụm công nghiệp (CCN) Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Nhà máy chế biến hàng cao cấp và kho lạnh bảo quản có địa chỉ tại: CCN Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến hàng cao cấp và kho lạnh bảo quản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Bình Thành, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số: 3887627022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04 tháng 4 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 10 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 1402064622.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến thủy sản, kho lạnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Công suất: chế biến thủy sản: 4.950 tấn sản phẩm/năm và kho lạnh sức chứa: 10.000 tấn thành phẩm.

- Phân nhóm cơ sở: thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất sử dụng: 20.090 m<sup>2</sup>.

- Quy trình hoạt động: nguyên liệu → cắt tiết → rửa 1 → fillet → rửa 2 → lạng da → tạo hình, kiểm → kiểm ký sinh trùng → phân cỡ, loại → rửa 3 (bảo quản BTP (nếu có)) → xử lý phụ gia (nếu có) → kiểm cỡ, loại (nếu có xử lý phụ gia) → cân → cấp đông → cân, vô PE/PA → dò kim loại → bao gói → bảo quản → xuất hàng vận chuyển, phân phối.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hùng Cá 6 được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hùng Cá 6 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất

thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 4 năm 2036).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *uuuuu*

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- UBND xã Bình Thành;
- Công ty Cổ phần Hùng Cá 6;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GVi.

**KT. CHỦ TỊCH** *moaa*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Thanh*  
**Nguyễn Thành Diệu**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147 /GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt; lưu lượng phát sinh khoảng 20,25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: nước thải sản xuất, nước thải vệ sinh nhà xưởng, dụng cụ; lưu lượng phát sinh khoảng 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: nhánh sông Tiên (thuộc địa bàn xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp).

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 1165630 ; Y = 557687.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản ( $K_q = 0,9, K_f = 1,1$ ) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A,  $F \leq 2000$  m<sup>3</sup>/ngày bảng 1 và cột A, bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	<b>Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 (QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (<math>K_q = 0,9, K_f = 1,1</math>))</b>				
1.	pH	-	6-9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	27		
3.	COD	mg/l	67,5		

4.	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/l	45		
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	09		
6.	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	27		
7.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	09		
8.	Tổng dầu mỡ, động thực vật	mg/l	09		
9.	Clo dư	mg/l	0,9		
10.	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	3.000		
<b>Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của giấy phép (QCVN II 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, F ≤ 2000 m<sup>3</sup>/ngày bảng 1 và cột a, bảng 2)</b>					
1.	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤ 40	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.	COD	mg/l	≤ 65		
3.	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/l	≤ 40		
4.	pH	-	6 - 9		
5.	Nhiệt độ	°C	40		
6.	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20		
7.	Tổng Phốt pho (T-P) (nguồn nước tiếp nhận là sông, áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản)	mg/l	≤ 8,0		
8.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	≤ 5,0		
9.	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	≤ 5,0		
10.	Clo dư	mg/l	≤ 1,0		
11.	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10		
12.	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 3,000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của khu nhà vệ sinh (nguồn số 01) → hệ thống thu gom (cống BTCT bằng đường  $\varnothing 160\text{mm}$ , đầu nối vào tuyến cống thu gom nước thải sản xuất BTCT  $\varnothing 300\text{mm}$ ) → hệ thống xử lý nước thải, công suất  $450\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Nước thải sản xuất, nước thải vệ sinh nhà xưởng, dụng cụ (nguồn số 02) → hệ thống thu gom (các mương hở, có bố trí lưới lọc rác phía trên bên trong nhà xưởng sau đó đầu nối vào rãnh thoát BTCT B300mm) → hệ thống xử lý nước thải, công suất  $450\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải: công suất  $450\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Tóm tắt quy trình xử lý: nước thải từ 02 nguồn phát sinh → bể thu gom + tách mỡ → bể tuyển nổi → bể điều hòa → bể Anoxic → cụm bể Aeroten → bể lắng → bể trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các bể tự hoại, cụm bể xử lý.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 06/2026 đến tháng 08/2026.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất  $450\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

c) Vị trí lấy mẫu: đầu ra hệ thống xử lý nước thải, công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm; tọa độ vị trí xả thải: X= 1165630; Y = 557687, theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A ( $K_q = 0,9$ , $K_f = 1,1$ )
1.	pH	-	6-9
2.	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	27
3.	COD	mg/l	67,5
4.	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/l	45
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	09
6.	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	27
7.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	09
8.	Tổng dầu mỡ, động thực vật	mg/l	09
9.	Clo dư	mg/l	0,9
10.	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty Cổ phần Hùng Cá 6 chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

## Phụ lục 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ hệ thống phòng máy của nhà xưởng.

##### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung)

- Nguồn số 01: tọa độ X = 1165666; Y = 557672

- Nguồn số 02: tọa độ X = 1165762; Y = 557780

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

##### 3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau

a) Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

b) Kể từ ngày 01/01/2027: áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 18 giờ)	Tối (từ 18 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 6 giờ)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

- Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 6 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 02 13	Rắn	20
2.	Giẻ lau nhiễm dầu, găng tay dính dầu nhớt, giấy lau dính dầu nhớt, hóa chất	15 02 02	Rắn	20
3.	Hộp mực thải có chứa thành phần nguy hại (bình đựng mực máy in, can đựng mực đóng date, hộp mực chấm viết lông 2 đầu)	08 03 17	Rắn	10
4.	Phế thải kim loại bị nhiễm thành phần nguy hại (dụng cụ thiết bị nhiễm dầu, xỉ kim loại)	15 02 02	Rắn	30
5.	Pin, ắc quy thải	16 06 01	Rắn	13
6.	Cặn dầu, nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	13 01 10	Lỏng	280
7.	Các linh kiện, thiết bị điện, điện tử khác	16 02 13	Rắn	17
8.	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại (phụ dụng dầu nhớt, thùng đựng hóa chất,...).	15 01 10	Rắn	365
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>755</b>

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1.	Phụ phẩm cá tra (đầu, dè, xương, vụn, ...)	02 02 01	Rắn	9.900.000
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>9.900.000</b>

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1.	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp, nước thải	19 08 05	Bùn (dạng sệt)	30
2.	Bao bì nhựa sạch, dây đai, PA, PE từ quá trình đóng gói	15 01 02	Rắn	5,7
3.	Bao bì giấy, thùng carton	15 01 01	Rắn	3,5
4.	Pallet gỗ hư	15 01 03	Rắn	0,6
<b>Tổng</b>				<b>39,8</b>

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 65 tấn/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu: khoảng 20 m<sup>2</sup>; kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và có dán tên và mã số chất thải nguy hại, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo và bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: khoảng 60 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: thể tích khoảng 140 m<sup>3</sup> được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý thải; kết cấu BTCT chống thấm, đảm bảo không rò rỉ, phát tán ra môi trường theo quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: khoảng 08 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định; bố trí riêng biệt với các khu vực khác và có bảng tên khu vực tập kết chất thải sinh hoạt theo đúng quy định; bố trí các thiết bị lưu giữ (thùng rác có nắp đậy) và hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý định kỳ 01 lần/ngày.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

#### **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147 /GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:** không

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:** không

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:** không

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.